

## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 27

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103021027, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 09 ngày 12 tháng 08 năm 2021, với mã số doanh nghiệp cấp lại là 0102556300.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102556300 thay đổi lần thứ 09 là 108.800.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm lẻ tám tỷ, tám trăm triệu đồng).

Tên giao dịch tiếng Anh: Education Financial Investment Joint Stock Company.

Tên viết tắt: EFL., JSC.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch tại sàn Upcom với mã cổ phiếu là EFI. Cổ phiếu của Công ty bị hạn chế giao dịch, chỉ được giao dịch vào phiên thứ sáu hàng tuần.

Trụ sở chính của Công ty: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 30/09/2022)
Ông Hoàng Trí Cường	Chủ tịch Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 30/09/2022)
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó chủ tịch
Bà Nguyễn Thanh Bích Hà	Thành viên
Bà Lê Thị Thúy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/11/2022)
Bà Bùi Thị Phương Thảo	Thư ký (bổ nhiệm ngày 30/11/2022)

#### Ban Kiểm soát

Bà Vũ Diệu Hương	Thành viên
Bà Thành Thị Ngọc	Thành viên
Bà Lê Thùy Dương	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Đức Long	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/12/2022)
Bà Lê Thị Thúy	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30/11/2022)
Ông Đào Đức Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18/01/2022)
Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp	Phó Giám đốc

### SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc Công ty, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng, bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán đến ngày phát hành Báo cáo cần điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì Hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



**Phạm Đức Long**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Số 142/2023/BCKT- CPA VIETNAM-NVI

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**Các Cổ đông**

**Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục, được lập ngày 30/03/2023, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

Như đã trình bày tại mục 5.4 - Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, khoản cho vay Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục và Công nghệ Việt Nam với giá trị tại ngày 31/12/2022 là 2.500.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 2.500.000.000 đồng). Tại thời điểm 31/12/2022, chúng tôi không nhận được thư xác nhận từ Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục và Công nghệ Việt Nam và chúng tôi cũng không thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp, theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của khoản mục cho vay này và ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Như đã trình bày tại mục 5.5 - Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, chúng tôi không thể thu thập hồ sơ chứng minh khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác số 001/2017/HTKD/EFI-A&TCORP đang được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022 với số tiền là 4.000.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 4.500.000.000 đồng). Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của khoản đầu tư này cũng như những ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Như đã trình bày tại mục 5.5 - Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, khoản phải thu của Ông Bùi Văn Dũng và Ông Nguyễn Văn Ngọc đang trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 và 31/12/2021 với số tiền lần lượt là 78.433.505.050 đồng và 3.800.418.000 đồng, hiện đang trong quá trình điều tra của cơ quan pháp luật về vụ án liên quan chưa có kết luận. Các khoản phải thu này đã được Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi, tuy nhiên, do đang trong quá trình điều tra nên chúng tôi không thể đánh giá việc trích lập dự phòng có phù hợp hay không và những ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)**

Như đã trình bày tại mục 5.2 - Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty trình bày khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Tòa nhà Cavico Việt Nam tại ngày 31/12/2022 là 41.024.799.999 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 41.024.799.999 đồng). Đây là khoản tiền Công ty nhận chuyển nhượng tầng 15, 16, 17 và 18 Tòa nhà Apex Tower - Lô HH3-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, xã Mỹ Trì, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm, Hà Nội của Công ty cổ phần Tòa nhà Cavico Việt Nam để kinh doanh. Tuy nhiên, Công ty chưa đủ hồ sơ để hạch toán tăng tài sản. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị của khoản đầu tư này trình bày trên Báo cáo tài chính, cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính của Công ty.

**Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Công ty đính kèm.



---

**Vũ Ngọc Ân****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

---

**Vũ Anh Tuấn****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 3011-2022-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	MS	TM	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+150)	<b>100</b>		<b>19.535.848.899</b>	<b>28.389.363.006</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>552.406.164</b>	<b>4.700.446.304</b>
1. Tiền	111		552.406.164	4.700.446.304
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>17.912.909.100</b>	<b>17.919.817.771</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		18.641.557.605	16.370.157.851
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.228.648.505)	(340.080)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.500.000.000	1.550.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>762.247.759</b>	<b>5.501.256.026</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	569.895.651	569.895.651
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	1.322.620
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	3.400.000.000	3.400.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	86.746.170.809	86.559.856.123
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(89.953.818.701)	(85.029.818.368)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>308.285.876</b>	<b>267.842.905</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		90.680.167	50.237.196
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.8	217.605.709	217.605.709
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+250+260)	<b>200</b>		<b>48.949.348.511</b>	<b>49.118.269.084</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>474.548.512</b>	<b>642.036.040</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	474.548.512	642.036.040
- Nguyên giá	222		1.339.900.245	1.339.900.245
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(865.351.733)	(697.864.205)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		30.000.000	30.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.000.000)	(30.000.000)
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>48.474.799.999</b>	<b>48.474.799.999</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	6.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		48.863.324.999	42.863.324.999
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(388.525.000)	(388.525.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>1.433.045</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	1.433.045
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>68.485.197.410</b>	<b>77.507.632.090</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ ( 300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>1.866.761.676</b>	<b>2.003.546.886</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.866.761.676</b>	<b>2.003.546.886</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	4.726.577
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	4.442.519	41.741.240
3. Phải trả người lao động	314		351.609.842	411.659.016
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.9	1.510.709.315	1.545.420.053
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>66.618.435.734</b>	<b>75.504.085.204</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.11</b>	<b>66.618.435.734</b>	<b>75.504.085.204</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		108.800.000.000	108.800.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>108.800.000.000</i>	<i>108.800.000.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.454.653.077	31.454.653.077
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.326.196.908	5.326.196.908
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	(133.049.012)
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(78.962.414.251)	(69.943.715.769)
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>(69.943.715.769)</i>	<i>(62.485.767.448)</i>
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>(9.018.698.482)</i>	<i>(7.457.948.321)</i>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>68.485.197.410</b>	<b>77.507.632.090</b>

Người lập



Nguyễn Thanh Hòa

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hòa

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

**Phòng Giám đốc**



Phạm Đức Long

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.1	7.372.271.077	3.957.790.791
7. Chi phí tài chính	22	6.2	9.097.294.370	761.684.112
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.664.598	26.945.499
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.3	7.293.736.721	2.821.654.142
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(9.018.760.014)	374.452.537
11. Thu nhập khác	31	6.4	2.513.029	-
12. Chi phí khác	32	6.4	2.451.497	7.832.400.858
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.4	61.532	(7.832.400.858)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(9.018.698.482)	(7.457.948.321)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(9.018.698.482)	(7.457.948.321)

Người lập



Nguyễn Thanh Hòa

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hòa

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023



Phạm Đức Long



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(9.018.698.482)	(7.457.948.321)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		167.487.528	167.487.528
- Các khoản dự phòng	03		7.152.308.758	(338.145.924)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.334.755.255)	(2.341.746.310)
- Chi phí lãi vay	06		13.664.598	26.945.499
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	2.130.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(4.019.992.853)	(7.813.407.528)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(42.386.025)	656.784.855
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(136.785.210)	568.688.563
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.433.045	13.185.223
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(2.271.399.754)	(11.447.171.435)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.664.598)	(26.945.499)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(6.482.795.395)	(18.048.865.821)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.334.755.255	2.341.746.310
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		2.334.755.255	2.341.746.310
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		21.240.694.542	31.906.982.191
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(21.240.694.542)	(32.762.291.572)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		-	(855.309.381)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i> (50 = 20+30+40)	50		(4.148.040.140)	(16.562.428.892)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.700.446.304	21.262.875.196
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	5.1	552.406.164	4.700.446.304

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Người lập



Nguyễn Thanh Hòa

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hòa




Phạm Đức Long

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103021027, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 09 ngày 12 tháng 08 năm 2021, với mã số doanh nghiệp cấp lại là 0102556300.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102556300 thay đổi lần thứ 09 là 108.800.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm lẻ tám tỷ, tám trăm triệu đồng*).

Tên giao dịch tiếng Anh: Education Financial Investment Joint Stock Company.

Tên viết tắt: EFI., JSC.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch tại sàn Upcom với mã cổ phiếu là EFI. Cổ phiếu của Công ty bị hạn chế giao dịch, chỉ được giao dịch vào phiên thứ sáu hàng tuần.

Trụ sở chính của Công ty: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 04 người (tại ngày 31/12/2021 là 04 người).

#### **1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

##### **Ngành nghề kinh doanh của công ty**

- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính), tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu, chi tiết: Dịch vụ tư vấn đầu tư thực hiện mua bán doanh nghiệp, dịch vụ tư vấn đầu tư dự án;
- Hoạt động tư vấn quản lý, Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý dự án, (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận, chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu phát triển thị trường, (không bao gồm hoạt động điều tra và các hoạt động Nhà nước cấm);
- Xây dựng nhà các loại, chi tiết: Xây dựng trường học các cấp, xây dựng cao ốc, xây dựng các khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khách sạn, nhà hàng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: cung cấp các sản phẩm phục vụ việc giảng dạy trong nhà trường, kinh doanh giấy;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác, chi tiết: Dịch vụ vệ sinh học đường;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, chi tiết: Tổ chức hội nghị hội thảo;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh các khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khách sạn (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Điều hành tua du lịch, chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch, chi tiết: Các dịch vụ phục vụ khách du lịch (đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Hoạt động của Công ty trong năm là: Đầu tư chứng khoán kinh doanh.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### **1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### **1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

## **2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### *Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư khác*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Các khoản đầu tư khác:* Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

##### *Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư*

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

##### Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Thời gian khấu hao (số năm)</b>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	<u>08</u>

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

##### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

##### Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là các khoản chi phí khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ phù hợp.

##### Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

#### **Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty.

#### **Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm phí ứng tiền bán chứng khoán, lỗ bán chứng khoán kinh doanh, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

#### **Nguyên tắc ghi nhận Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế khác**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất bằng 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế, tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo quy định của Pháp Luật về thuế.

#### **Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng trong năm Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán kinh doanh, không có bộ phận hoạt động kinh doanh khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1. Tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	16.941.703	18.767.586
Tiền gửi ngân hàng	535.464.461	4.681.678.718
<b>Tổng</b>	<b>552.406.164</b>	<b>4.700.446.304</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2022				01/01/2022				Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Dự phòng		
Công ty CP Kỹ nghệ Đô Thành (DTT)	-	-	-	127.840	127.840	-	-	-	
Công ty CP Đầu tư & PT giáo dục HN (EID)	18.638.187.525	16.411.619.100	(2.226.568.425)	11.391.162.723	11.391.162.723	-	-	-	
Công ty CP Hàng Hải Hà Nội (MHC)	-	-	-	95.360	95.360	-	-	-	
Công ty CP vận tải xăng dầu VITACO (VTO)	-	-	-	67.955	67.955	-	-	-	
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc (NBE)	-	-	-	9.013.500	9.013.500	-	-	-	
Công ty CP Suất ăn Công nghiệp (ATS)	3.370.080	1.290.000	(2.080.080)	3.370.080	3.030.000	-	(340.080)	-	
Công ty CP Chứng khoán SSI (SSI)	-	-	-	4.966.320.393	4.966.320.393	-	-	-	
<b>Tổng</b>	<b>18.641.557.605</b>	<b>16.412.909.100</b>	<b>(2.228.648.505)</b>	<b>16.370.157.851</b>	<b>16.369.817.771</b>	<b>16.369.817.771</b>	<b>(340.080)</b>	<b>-</b>	

**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022				01/01/2022				Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Dự phòng		
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	1.550.000.000	1.550.000.000	-	1.550.000.000	1.550.000.000	-	-	-	
<b>Tổng</b>	<b>1.550.000.000</b>	<b>1.550.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.550.000.000</b>	<b>1.550.000.000</b>	<b>1.550.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội với lãi suất 6,4%/ năm và 8,5%/năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- 5.2 Các khoản đầu tư tài chính ( Tiếp theo)**  
**c. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2022		01/01/2022	
	Tỷ lệ đầu tư % hữu %	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>		-	-	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Công nghệ BVA(Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Bất động sản EFI) (1)	100%	-	-	6.000.000.000
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>		48.863.324.999	-	42.863.324.999
Công ty cổ phần Tòa nhà Cavico Việt Nam (2)		41.024.799.999	-	41.024.799.999
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Công nghệ BVA(Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Bất động sản EFI)	4%	6.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bán Giáo dục Hà Nội		750.000.000	-	750.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bán Giáo dục tại Đà Nẵng		350.000.000	-	350.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bán Giáo dục Gia Định		350.000.000	-	350.000.000
Công ty Cổ phần Bell Torta		388.525.000	-	(388.525.000)
<b>Tổng</b>		<b>48.863.324.999</b>	<b>(*)</b>	<b>48.863.324.999</b>
				<b>(*)</b>
				<b>(388.525.000)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC  
Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 5.2 Các khoản đầu tư tài chính( Tiếp theo)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

(1) Công ty đang hạch toán đầu tư vào Công ty Cổ phần Quản lý và khai thác Bất động sản EFI nay đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Công nghệ BVA sau khi công ty này tăng vốn thêm 150 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ đầu tư tại thời điểm 31/12/2022 vào công ty này là 4%.

(2) Công ty hạch toán đầu tư vào Công ty Cổ phần tòa nhà Cavico Việt Nam, gồm:

- Công ty nhận chuyển nhượng Điện tích sản tầng 15 Tòa nhà Apex Tower – Lô HH3-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, xã Mỹ Trì, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm, Hà Nội, của Công ty CP tòa nhà Cavico Việt Nam - Cavico Tower. Thời hạn chuyển nhượng từ ngày 01/9/2012 đến ngày 27/12/2055, giá chuyển nhượng 11.500.000.000 đồng.
- Công ty hạch toán chuyển khoản công nợ phải thu (gốc + lãi) của Công ty CP Tòa nhà Cavico Việt Nam sang nhận chuyển nhượng tài sản Theo biên bản thỏa thuận ngày 4/10/2012, giữa Công ty CP Tòa nhà Cavico và Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục. Theo đó Công ty CP Tòa nhà Cavico Việt Nam hợp đồng công chứng chuyển nhượng cho Công ty 3 sản văn phòng tầng 16,17,18 của tòa nhà Apex Tower. Số tiền chuyển nhượng của từng sản là 9,841,600,000 đồng (bao gồm VAT), tổng giá trị chuyển nhượng là 29.524.799.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.3 Phải thu của khách hàng**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty TNHH Dịch vụ Huy Tuấn Phát	395.895.318	495.895.318
Các đối tượng khác	174.000.333	74.000.333
<b>Tổng</b>	<b>569.895.651</b>	<b>569.895.651</b>

**5.4 Phải thu về cho vay**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty TNHH Thương mại Hải Trà (1)	900.000.000	900.000.000
Công ty CP Thiết bị Giáo dục và Công nghệ Việt Nam (2)	2.500.000.000	2.500.000.000
<b>Tổng</b>	<b>3.400.000.000</b>	<b>3.400.000.000</b>

(1) Hợp đồng cho vay số 80-5/2012/HĐVV-TCGG, thời hạn cho vay 01 tháng lãi suất 20%/ năm. Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty TNHH Thương mại Hải Trà không còn hoạt động, do đó, không làm bổ sung được gia hạn hợp đồng và điều chỉnh lãi suất vay.

(2) Hợp đồng cho vay số 10-05/2017/HĐVV-TCGG, thời hạn cho vay 06 tháng lãi suất 8%/ năm, giá trị cho vay 1.000.000.000 đồng;

Hợp đồng cho vay số 03-04/2017/HĐVV-TCGG, thời hạn cho vay 06 tháng lãi suất 7%/ năm, giá trị cho vay 1.500.000.000 đồng.

**Phải thu khác**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<i>Phải thu khác</i>	86.731.170.809	(85.983.923.050)	86.542.856.123	(83.733.923.050)
Công ty Cổ phần A&TCORP (*)	3.750.000.000	(3.750.000.000)	4.000.000.000	(1.500.000.000)
Bùi Văn Dũng (**)	78.433.505.050	(78.433.505.050)	78.433.505.050	(78.433.505.050)
Nguyễn Văn Ngọc (**)	3.800.418.000	(3.800.418.000)	3.800.418.000	(3.800.418.000)
Các khoản khác	747.247.759	-	308.933.073	-
<i>Tạm ứng</i>	<i>15.000.000</i>	<i>-</i>	<i>17.000.000</i>	<i>-</i>
<b>Tổng</b>	<b>86.746.170.809</b>	<b>(85.983.923.050)</b>	<b>86.559.856.123</b>	<b>(83.733.923.050)</b>

(\*) Phải thu theo hợp đồng hợp tác số 001/2017/HTKD/EFI-A&TCORP, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính chưa có hồ sơ Hợp đồng cho khoản hợp tác đầu tư này.

(\*\*) Các khoản phải thu của Bùi Văn Dũng và Nguyễn Văn Ngọc nêu trên hiện đang trong quá trình điều tra của cơ quan pháp luật về vụ án liên quan chưa có kết luận. Công ty đã trích lập dự phòng cho khoản phải thu Bùi Văn Dũng và Nguyễn Văn Ngọc tại thuyết minh 5.6.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.5. Nợ xấu**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	89.953.818.701	-	87.529.818.368	2.500.000.000
<i>Trong đó:</i>				<b>Quá hạn trên 3 năm</b>
Công ty TNHH Dịch vụ Huy Tuấn Phát				395.895.318
Đình Thạch Huyền Chiêu				104.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị giáo dục và công nghệ Việt Nam				70.000.333
Công ty TNHH Thương mại Hải Trà				900.000.000
Công ty CP Thiết bị Giáo dục và Công nghệ Việt Nam				2.500.000.000
Bùi Văn Dũng				78.433.505.050
Nguyễn Văn Ngọc				3.800.418.000
Công ty Cổ phần A&TCORP				3.750.000.000

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2022	1.339.900.245	1.339.900.245
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2022	<u>1.339.900.245</u>	<u>1.339.900.245</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2022	697.864.205	697.864.205
Tăng trong năm	167.487.528	167.487.528
Khấu hao trong năm	167.487.528	167.487.528
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2022	<u>865.351.733</u>	<u>865.351.733</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2022	<u>642.036.040</u>	<u>642.036.040</u>
Tại 31/12/2022	<u>474.548.512</u>	<u>474.548.512</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2022	30.000.000	30.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2022	<u>30.000.000</u>	<u>30.000.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2022	30.000.000	30.000.000
Số dư tại 31/12/2022	<u>30.000.000</u>	<u>30.000.000</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2022	-	-
Tại 31/12/2022	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 30.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 30.000.000 đồng).

**5.8. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
<b>Phải nộp</b>	41.741.240	75.814.334	113.113.055	4.442.519
Thuế thu nhập cá nhân	41.741.240	74.183.107	111.481.828	4.442.519
<b>Phải thu</b>	217.605.709	-	-	217.605.709
Thuế thu nhập doanh nghiệp	217.605.709	-	-	217.605.709

**5.9. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Ngắn hạn</b>	1.510.709.315	1.545.420.053
Kinh phí công đoàn	3.470.606	36.555.834
Bảo hiểm xã hội	-	2.587.514
Phải trả, phải nộp khác	1.507.238.709	1.506.276.705
<i>Cố tức phải trả</i>	9.020.000	9.020.000
<i>Huyện Bá Vân (Tạm nộp bồi thường vụ án chưa có kết luận điều tra của cơ quan pháp luật)</i>	1.015.000.000	1.015.000.000
Phải trả khác	483.218.709	482.256.705
<b>Tổng</b>	<u>1.510.709.315</u>	<u>1.545.420.053</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.10. Vay và nợ thuế tài chính**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh trong năm	Giá trị
Vay ngắn hạn	-	-	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm
Công ty CP Chứng khoán Phó Wall	-	-	21.240.694.542	21.240.694.542
<b>Tổng</b>	-	-	<b>21.240.694.542</b>	<b>21.240.694.542</b>

Khoản vay Công ty Chứng khoán là các khoản Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục ứng trước tiền bán chứng khoán chờ về tài khoản. Khi tiền bán chứng khoán về tài khoản, Công ty chứng khoán sẽ thu lại khoản ứng trước. Do đó, các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán được phân loại là khoản vay ngắn hạn và không có hợp đồng vay.

**5.11. Vốn chủ sở hữu**

**a. Biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2021	108.800.000.000	31.454.653.077	5.326.196.908	(133.049.012)	(62.485.767.448)	82.962.033.525
Giảm trong năm	-	-	-	-	(7.457.948.321)	(7.457.948.321)
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(7.457.948.321)	(7.457.948.321)
Số dư tại 31/12/2021	108.800.000.000	31.454.653.077	5.326.196.908	(133.049.012)	(69.943.715.769)	75.504.085.204
Số dư tại 01/01/2022	108.800.000.000	31.454.653.077	5.326.196.908	(133.049.012)	(69.943.715.769)	75.504.085.204
Tăng trong năm	-	-	-	133.049.012	-	133.049.012
Tăng khác	-	-	-	133.049.012	-	133.049.012
Giảm trong năm	-	-	-	-	(9.018.698.482)	(9.018.698.482)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(9.018.698.482)	(9.018.698.482)
Số dư tại 31/12/2022	108.800.000.000	31.454.653.077	5.326.196.908	-	(78.962.414.251)	66.618.435.734

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.12. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội	7.648.000.000	7.648.000.000
Nguyễn Sơn Tùng	16.202.000.000	12.394.000.000
Nguyễn Đình Việt	20.260.000.000	20.260.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	64.690.000.000	68.498.000.000
<b>Tổng</b>	<b>108.800.000.000</b>	<b>108.800.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	108.800.000.000	108.800.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	108.800.000.000	108.800.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>10.880.000</b>	<b>10.880.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>10.880.000</b>	<b>10.880.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	10.880.000	10.880.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>10.880.000</b>	<b>10.880.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	10.880.000	10.880.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	196.068.255	101.868.410
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.138.687.000	2.239.877.900
Lãi bán chứng khoán	5.037.515.822	1.616.044.481
<b>Tổng</b>	<b>7.372.271.077</b>	<b>3.957.790.791</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**6.2. Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Phí ứng tiền bán chứng khoán	13.664.598	26.945.499
Lỗ bán chứng khoán kinh doanh	6.855.321.347	872.884.537
Dự phòng các khoản đầu tư chứng khoán	2.228.308.425	(138.145.924)
<b>Tổng</b>	<b>9.097.294.370</b>	<b>761.684.112</b>

**6.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>7.293.736.721</b>	<b>2.821.654.142</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.481.628.354	2.263.729.619
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.705.772	15.903.405
Chi phí khấu hao TSCĐ	167.487.528	167.487.528
Chi phí dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng)	4.929.000.333	(100.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	335.011.950	325.295.964
Chi phí bằng tiền khác	376.902.784	149.237.626
<b>Tổng</b>	<b>7.293.736.721</b>	<b>2.821.654.142</b>

**6.4. Thu nhập khác, chi phí khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập khác	2.513.029	-
<b>Tổng</b>	<b>2.513.029</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Xử lý công nợ tồn tại	-	7.830.000.000
Chi phí khác	2.451.497	2.400.858
<b>Tổng</b>	<b>2.451.497</b>	<b>7.832.400.858</b>
<b>Thu nhập khác thuần/chi phí khác (thuần)</b>	<b>61.532</b>	<b>(7.832.400.858)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**6.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	(9.018.698.482)	(7.457.948.321)
Thu nhập chịu thuế	(9.018.698.482)	(7.457.948.321)
Các khoản tăng thu nhập chịu thuế	-	7.830.000.000
Chi phí không được trừ	-	7.830.000.000
Các khoản giảm thu nhập chịu thuế	2.138.687.000	2.239.877.900
Cổ tức được nhận trong năm	2.138.687.000	2.239.877.900
Thu nhập chịu thuế	(11.157.385.482)	(1.867.826.221)
Thu nhập hoạt động kinh doanh	(11.157.385.482)	(1.867.826.221)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	-	-

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**a. Danh sách các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm 30/09/2022)
Hoàng Trí Cường	Chủ tịch Hội đồng quản trị (miễn nhiệm 30/09/2022)
Nguyễn Việt Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thanh Bích Hà	Thành viên HĐQT
Lê Thị Thúy	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm 30/11/2022)
Vũ Diệu Hương	Thành viên Ban kiểm soát
Thành Thị Ngọc	Thành viên Ban kiểm soát
Lê Thùy Dương	Thành viên Ban kiểm soát
Phạm Đức Long	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thanh Hòa	Kế toán trưởng
Nguyễn Tường Vân	Thư ký Công ty (miễn nhiệm 30/11/2022)
Nguyễn Sơn Tùng	Cổ đông

**b. Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

**Tổng thu nhập của Ban điều hành**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	200.100.000	186.000.000
Thù lao Ban kiểm soát	72.000.000	56.000.000
Tiền lương Ban Giám đốc và nhân sự chủ chốt	883.213.931	1.158.758.375
<b>Tổng</b>	<b>1.155.313.931</b>	<b>1.400.758.375</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**7.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

*Thù lao Hội đồng quản trị*

Họ tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hoàng Trí Cường	Chủ tịch HĐQT (đến hết quý III)	36.000.000	48.000.000
Nguyễn Viết Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
Nguyễn Thanh Bích Hà	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Thành viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT (Từ tháng 10)	59.100.000	24.000.000
Nguyễn Tường Vân	Thư ký Công ty	18.000.000	21.000.000
Lê Thị Thúy	Thành viên HĐQT	15.000.000	-
Nguyễn Văn Phú	Thành viên HĐQT	-	21.000.000
<b>Tổng</b>		<b>200.100.000</b>	<b>186.000.000</b>

*Thù lao Ban kiểm soát*

Họ tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vũ Diệu Hương	Thành viên BKS	24.000.000	24.000.000
Thành Thị Ngọc	Thành viên BKS	24.000.000	16.000.000
Lê Thùy Dương	Thành viên BKS	24.000.000	16.000.000
<b>Tổng</b>		<b>72.000.000</b>	<b>56.000.000</b>

*Tiền lương của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác*

Họ tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hoàng Trí Cường	Cựu Chủ tịch HĐQT	272.725.565	512.617.315
Lê Thị Thúy	Cựu Tổng Giám đốc	308.294.718	142.301.008
Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Chủ tịch HĐQT	20.400.000	-
Nguyễn Văn Nguyên	Cựu Phó Tổng Giám đốc	-	216.830.808
Phạm Đức Long	Tổng Giám đốc	31.219.885	-
Nguyễn Thanh Hòa	Kế toán trưởng	18.834.608	-
Lê Thị Vân	Cựu Kế toán trưởng	231.739.155	287.009.244
<b>Tổng</b>		<b>883.213.931</b>	<b>1.158.758.375</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**7.2. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Nguyễn Thanh Hòa

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hòa

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023



Phạm Đức Long

